TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁT HẢI** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 28-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Năm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Tân

2. Ông Bùi Văn Tiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 03/TB-TA ngày 22 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Tạ Hữu H, địa chỉ: Số 197 đường T, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đồng Duyên T, cư trú tại: Số nhà 18, Đ, phường ĐH, quận A, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 10 năm 2018); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ánh D, địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 20-3-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Tạ Hữu H trình bày:

Ông và ông Phạm Ánh D là chỗ quen biết từ trước và hai bên có thỏa thuận việc vay tiền, ngày 15-11-2014 ông cho cá nhân ông D vay 260.000.000 đồng và ngày 02-12-2014 ông tiếp tục cho ông D vay 200.000.000 đồng, sau khi nhận tiền

thì ông D tự viết giấy biên nhận, ký và ghi rõ họ tên. Hợp đồng vay, hai bên không thỏa thuận thời hạn vay, mục đích vay, thời hạn trả nợ cụ thể, mà thống nhất với nhau là ông D phải trả cho ông tiền lãi trên số nợ gốc còn lại cho đến ngày trả hết nợ gốc và lãi suất cho vay theo thỏa thuận miệng là 2%/ tháng.

Từ năm 2015, ông đã nhiều lần yêu cầu ông D trả nợ nhưng ông D vẫn chưa thanh toán cho ông bất kỳ số tiền nợ gốc và tiền lãi trên gốc.

Ngày 05-10-2018, ông đã ký giấy ủy quyền cho ông Đồng Duyên T thay mặt ông làm việc với ông D và các tổ chức, cá nhân liên quan để thu hồi khoản nợ vay cho ông. Ông Tđã nhiều lần liên hệ, làm việc với ông D để yêu cầu thanh toán nợ nhưng đến nay ông D vẫn không thanh toán.

Do đó, ông làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Cát Hải để yêu cầu giải quyết vụ việc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông. Ông yêu cầu ông D thanh toán ngay cho ông số tiền nợ gốc là: 460.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận giữa hai bên tính từ khi vay đến ngày thanh toán hết nợ.

Cụ thể, theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005, mức lãi suất áp dụng là 150% mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố (9% * 150% = 13.5%/năm) (Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của ngân hàng nhà nước, mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm). Như vậy, ngày tính lãi là ngày 15-11-2014 và ngày 02-12-2014, ngày đến hạn là ngày 27-11-2019, tổng số ngày lãi của 02 lần vay là 3.657 ngày, lãi suất 0,0370%/ngày. Tổng số tiền gốc và lãi, ông D nợ ông tính đến ngày 27-11-2019 là 771.454.247đ.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18-11-2019, bị đơn là ông Phạm Ánh D trình bày:

Ông với tư cách là cá nhân có ký 02 hợp đồng vay tiền (Giấy biên nhận) của ông Tạ Hữu H, cụ thể ngày 15-11-2014 ông vay số tiền là 260.000.000 đồng và ngày 02-12-2014 ông vay số tiền là 200.000.000 đồng. Tổng số tiền ông vay của ông H là 02 lần bằng 460.000.000 đồng để sử dụng riêng cho bản thân và không liên quan gì đến Công ty cũng như người khác. Ông là người trực tiếp viết giấy biên nhận và ký ghi rõ họ tên của mình như ông H xuất trình cho Tòa án là đúng, việc vay tiền giữa ông với ông H không có thỏa thuận gì về lãi suất.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay nợ giữa ông với ông H: Cuối năm 2014, ông đã trả cho ông H bằng Lốc tiền USD cổ trị giá là 500.000.000 đồng. Như vậy, ông H còn nợ lại ông là 40.000.000 đồng, số tiền này ông và ông H sẽ tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì ông sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Để chứng minh cho việc ông đã trả nợ xong cho ông H thì ông không có giấy tờ gì để chứng minh, tuy nhiên các tài liệu, chứng cứ chứng minh đều do Phòng PC 44 - Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng lưu giữ, trực tiếp ở đây là ông K thuộc đội 4, họ đầy đủ của ông K ông không nhớ rõ.

Ngày 10-11-2018, đại diện theo ủy quyền của ông H là ông Đồng Duyên T có đến nhà ông yêu cầu trả nợ số tiền trên và ông đã trả lời như trên, tuy nhiên ông Ttuyên bố nếu ông không trả nợ thì ông H sẽ khởi kiện ra Tòa án.

Do ông Phạm Ánh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ vắng mặt ông D theo khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho Công ty theo khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bên cạnh đó, các văn bản tố tụng khi không tống đạt được cho ông D, Tòa án đều tiến hành việc niêm yết công khai tại nơi ông D cư trú, đồng thời niêm yết tại trụ sở UBND xã N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Tạ Hữu H và ông Đồng Duyên T thống nhất trình bày: Sau nhiều lần liên lạc bằng điện thoại để làm việc với ông D về khoản tiền nợ nhưng không được, khoảng ngày 05 hoặc ngày 10 tháng 11 năm 2018, ông Ttrực tiếp đến gặp ông D để yêu cầu trả tiền nợ gốc và tiền lãi trên gốc nhưng đến hết ngày 19-3-2019, ông D vẫn không trả tiền nên ngày 20-3-2019 nguyên đơn mới có đơn khởi kiện. Nay, đề nghị Tòa án buộc ông D phải trả cho nguyên đơn cả tiền gốc và tiền lãi với tổng số tiền là 771.454.521đ.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Ánh D trình bày: Ngày 10 tháng 11 năm 2018, ông Tlà người đại diện theo ủy quyền của ông H đã trực tiếp đến gặp ông để yêu cầu trả tiền nợ gốc và tiền lãi trên gốc. Nay, ông H yêu cầu ông trả nợ số tiền trên, ông không chấp nhận, vì ông đã trả nợ xong cho ông H nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015; điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01 ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Hữu H, buộc ông Phạm Ánh D phải thanh toán cho ông H tiền nợ gốc là 460.000.000đ và số tiền lãi trên nợ gốc chưa trả là: (460.000.000đ x 10%) : 365 ngày x 290 ngày = 36.547.900 đồng, tổng số tiền phải trả là 496.547.900 đồng. Buộc ông Phạm Ánh D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 23.861.000 đồng.

Nguyên đơn ông Tạ Hữu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần yêu cầu không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông H là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp án phí. Căn cứ Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên ông Tạ Hữu H không phải nộp án phí sơ thẩm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, đối tượng tranh chấp là tiền Việt Nam đồng; trong hợp đồng vay, hai bên không ghi thời hạn vay, mục đích vay, thời hạn trả nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu buộc ông Phạm Ánh D trả nợ gốc 460.000.000 đồng, đây là hợp đồng vay tài sản đang được thực hiện. Căn cứ vào giấy biên nhận ngày 15-11-2014, ngày 02-12-2014 và lời khai của ông Phạm Ánh D ngày 18-11-2019, có đủ căn cứ xác định ngày 15-11-2014 và ngày 02-12-2014 ông Phạm Ánh D vay của ông Tạ Hữu H số tiền gốc 460.000.000 đồng. Do vậy, chấp nhận yêu cầu này của ông Tạ Hữu H là phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc ông Phạm Ánh D trả nợ lãi trên gốc tính từ ngày 15-11-2014 và ngày 02-12-2014, ngày đến hạn là ngày 27-11-2019, tổng số ngày lãi của 02 lần vay là 3.657 ngày, lãi suất 0,0370%/ngày = 36.547.900đ. Căn cứ vào giấy biên nhận ngày 15-11-2014 và ngày 02-12-2014, thì xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi.

- Xét thời gian bắt đầu tính lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận vào ngày 10-11-2018, hai bên đã thông báo cho nhau về việc trả nợ; căn cứ Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, thì việc xác nhận ngày 10-11-2018 nêu trên của hai bên được coi là đã thông báo cho nhau biết trước về một khoảng thời gian hợp lý và Tòa án xem xét không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo trên. Như vậy, thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc chưa trả bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc là ngày 11-02-2019 đến thời điểm xét xử là ngày 28-11-2019. Tổng cộng là 290 ngày.

- Về áp dụng mức lãi suất khi tính lãi: Căn cứ Điều 2, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi suất được xác định bằng 50% của 20%/năm của khoản tiền vay, cụ thể mức lãi suất cơ bản bằng

đồng Việt Nam để áp dụng là 10% của năm. Như vậy, tiền lãi trên nợ gốc chưa trả là: (460.000.000đ x 10%) : 365 ngày x 290 ngày = 36.547.900 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc và tiền lãi trên gốc, ông Phạm Ánh D phải trả cho ông Tạ Hữu H là: (460.000.000đ + 36.547.900đ) = 496.547.900 đồng.

[3] Đối với đề nghị của ông Phạm Ánh D (bị đơn):

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đều trình bày đã trả hết toàn bộ số nợ cho ông H, nhưng ông H vẫn giữ giấy biên nhận của bị đơn và làm cơ sở cho bản thân mình để khởi kiện đến Tòa án. Chứng minh cho việc bị đơn đã trả nợ xong cho ông H thì bị đơn không có giấy tờ gì để chứng minh, tuy nhiên các tài liệu, chứng cứ, chứng minh đều do Phòng PC 44 - Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng lưu giữ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố nội dung biên bản làm việc giữa người đại diện theo ủy quyền của ông H với Phòng PC 44 - Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng, nay là Phòng PC 01 - Cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an thành phố Hải Phòng ghi ngày 22-11-2019, có nội dung như sau:

"- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra không tiếp nhận nội dung đơn của ông Tạ Hữu H tố cáo ông Phạm Ánh D vay của ông H số tiền 460.000.000 đồng đến nay chưa trả;

- Ngày 22-02-2016, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng tiếp nhận đơn của ông H: Năm 2104, ông H chuyển cho ông D 910.000.000 đồng để mua xe Lexus mang biển số Lào, nhưng sau đó ông H phát hiện xe không có giấy tờ nên ông H yêu cầu ông D trả lại số tiền nợ trên nhưng ông D không trả. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã tiến hành xác minh vụ việc và hướng dẫn cho ông H khởi kiện vụ việc trên ra Tòa án".

Hội đồng xét xử, xét thấy: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố và hỏi các đương sự về các vấn đề liên quan đến nội dung biên bản làm việc nêu trên, các đương sự không có ý kiến gì. Như vậy, việc trình bày của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Một phần yêu cầu của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp án phí. Căn khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên nguyên đơn được miễn nộp án phí;

- Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên bị đơn là ông Phạm Ánh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Hữu H. Buộc ông Phạm Ánh D phải trả cho ông Tạ Hữu H tổng số tiền 496.547.900đ *(Bốn trăm chín mươi sáu triệu lăm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm đồng)*, gồm 460.000.00 đồng tiền gốc, 36.547.900 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Ông Phạm Ánh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.861.000đ *(Hai mươi ba triệu tám trăm sáu mươi mốt nghìn đồng)*.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Năm